

Số: 72/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Lao động - Xã hội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-KĐCL ngày 18/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-KĐCL ngày 18/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Lao động – Xã hội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXIII ngày 05/8/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Lao động - Xã hội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Lao động - Xã hội theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Lao động - Xã hội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Lao động - Xã hội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Lao động - Xã hội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đình Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐKĐCL ngày 07 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.86	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.81
Tiêu chuẩn 1	3.80	Tiêu chuẩn 13	3.80
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	3.75	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.67
Tiêu chuẩn 5	4.00	Tiêu chuẩn 17	3.75
Tiêu chuẩn 6	4.00	Tiêu chuẩn 18	3.75
Tiêu chuẩn 7	3.60	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	3.75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4.00	Tiêu chuẩn 21	4.00
Tiêu chuẩn 9	4.00	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.77
Tiêu chuẩn 10	4.25	Tiêu chuẩn 22	4.00
Tiêu chuẩn 11	3.75	Tiêu chuẩn 23	3.83
Tiêu chuẩn 12	4.00	Tiêu chuẩn 24	3.75
		Tiêu chuẩn 25	3.50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐKĐCL ngày 07 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Lao động - Xã hội giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn được tuyên bố chính thức theo từng giai đoạn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập, phân định rõ trách nhiệm và đang được hoàn chỉnh theo Luật Giáo dục đại học. Các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập và có các giải pháp thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng, rà soát cập nhật phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng đầu tư thực hiện; đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ. Tình hình tài chính cuối giai đoạn có sự gia tăng, cơ bản đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động. Mạng lưới đối tác trong nước và quốc tế có những cải thiện.

1. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành khá hoàn chỉnh. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành tốt thông qua các hoạt động khảo sát, tự đánh giá và đánh giá ngoài nhà trường và các CTĐT. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng và ứng dụng CNTT ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh được thiết lập, được triển khai trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và phục vụ cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được quan tâm thực hiện có kết quả; tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; kết quả tuyển sinh bậc đại học được cải thiện. Việc xây dựng và rà soát, điều chỉnh các CTĐT được triển khai định kỳ theo quy định. Các hoạt động dạy học phù hợp hướng đến triết lý giáo dục đã tuyên bố; hoạt động thực hành, thực tập được quan tâm. Đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể và thực hiện. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được triển khai thực hiện với các chỉ số chính được xây dựng, rà soát để cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, người học được thiết lập và triển khai. Kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu có các giải pháp thực hiện; hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác được cải thiện. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đa dạng gắn với thế mạnh của Trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao; chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động hài lòng. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được xác định, được thực hiện; kết quả công bố khoa

học có sự gia tăng. Tác động của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được các bên đánh giá ghi nhận. Việc giám sát kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được quan tâm xác lập, thực hiện góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Nghiên cứu để thể hiện được vai trò của cặp phạm trù cộng sinh “Đổi mới - Sáng tạo” của giá trị cốt lõi đã công bố. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để quảng bá rộng rãi hơn về thương hiệu, vị thế của Nhà trường. Nghiên cứu, cải tiến một cách khoa học, sơ đồ hóa quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa để dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện cho các bên liên quan.

2. Xây dựng kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng trường; đổi mới hệ thống quản trị đảm bảo thực hiện trách nhiệm giải trình và sự minh bạch. Tổ chức đánh giá chỉ tiêu thực hiện chiến lược xây dựng trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, vị trí dẫn đầu mang đặc thù ngành Lao động- Xã hội. Xây dựng kế hoạch, thực hiện và đánh giá hiệu quả cải tiến giảm thiểu rủi ro trong hệ thống quản trị và cách thức thực hiện.

3. Phân định rõ quá trình ra quyết định và chế độ thông tin, báo cáo; Thường xuyên đánh giá về tính phù hợp và hiệu quả của cơ cấu tổ chức hiện có để có định hướng đổi mới; Ban hành quy chế làm việc, trong đó đảm bảo thiết chế quản lý giữa Nhà trường với Cơ sở II TP. Hồ Chí Minh và Cơ sở Sơn Tây; Quy hoạch, điều chỉnh, luân chuyển đội ngũ cán bộ quản lý dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc.

4. Có quy trình xây dựng chiến lược với sự tham gia của các bên liên quan gắn với sự thấm thấu sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường vào từng trụ cột chiến lược thành phần; Xác định các chỉ tiêu chiến lược đảm bảo nguyên tắc SMART; Ban hành đầy đủ các kế hoạch thành phần để thực hiện và phân kỳ thành các kế hoạch ngắn hạn hằng năm; thực hiện đánh giá định kỳ hằng năm và giữa giai đoạn kết quả thực hiện các chỉ tiêu chiến lược để có giải pháp hiệu quả trong thực hiện và điều chỉnh chỉ tiêu chiến lược.

5. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực xây dựng chính sách cho các đơn vị; Kịp thời ban hành các chính sách cụ thể để thực hiện chỉ tiêu chiến lược; Có quy định về giám sát việc thực hiện các chính sách: đơn vị chủ trì, đánh giá hiệu quả hằng năm để có điều chỉnh và phân tích tác động của chính sách. Chú trọng thiết lập các chính sách PVCĐ để đảm bảo chức năng của cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh mới. Xây dựng chính sách đột phá để phát triển đội ngũ, đầu tư thúc đẩy hoạt động NCKH tại Cơ sở II.

6. Có các giải pháp đột phá, đủ mạnh và kịp thời thu hút được nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nhân lực trình độ cao và năng lực đội ngũ theo vị trí việc làm; có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính trong quy chế chi tiêu nội bộ cho phát triển đội ngũ. Xây dựng và ban hành hệ thống KPIs đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên; thường xuyên tiến hành lấy ý kiến đối với các chế độ, chính sách, quy trình thực hiện quy hoạch về nguồn nhân lực để cải tiến.

7. Có giải pháp đa dạng hóa nguồn thu; nghiên cứu mở mới các ngành đào tạo bằng tiếng Anh, các ngành theo xu hướng chuyển đổi số; tăng nguồn thu từ đào tạo sau đại học, bồi dưỡng

ngắn hạn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao, hợp tác với doanh nghiệp. Nâng cấp cơ sở vật chất tại các cơ sở, tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin; đẩy nhanh tiến độ công tác chuyển đổi số để phát triển theo mô hình đại học thông minh, đại học số hóa. Số hóa các nguồn học liệu; cập nhật, bổ sung đầy đủ các tài liệu học tập của các học phần; quan tâm đẩy mạnh biên soạn giáo trình, bài giảng điện tử.

8. Quy định cụ thể trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi các đơn vị/cá nhân và cơ chế quản lý, giám sát trong phát triển các đối tác, mạng lưới quan hệ và các hoạt động đối ngoại. Ban hành các chính sách, quy định rõ ràng về hình thức, nội dung, cơ chế hợp tác và tiêu chí lựa chọn đối tác. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các hợp đồng, hợp tác, dự án hợp tác; đẩy mạnh các loại hình hợp tác, liên kết về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao với các đối tác có uy tín trong nước và quốc tế; có giải pháp thích hợp hiện thực hóa các hợp tác/liên kết đã ký kết.

9. Hoàn thiện, công bố chính sách về đảm bảo chất lượng và có các kế hoạch năm với chỉ tiêu phấn đấu bao quát các lĩnh vực hướng tới cải tiến chất lượng các mảng hoạt động chính; Thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể quy trình lập kế hoạch các hoạt động đảm bảo chất lượng, các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu chính để tiếp tục cải tiến nhằm thực hiện được đầy đủ các mục tiêu chiến lược và mục tiêu về đảm bảo chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng.

10. Tiếp tục rà soát kết quả cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài một cách có hệ thống; phân tích kết quả đánh giá ngoài và nghiên cứu kỹ lưỡng các khuyến nghị của các đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, đồng thời lấy ý kiến các bên liên quan để xác định rõ các giải pháp chủ yếu và kế hoạch cải tiến; Quan tâm phân tích kết quả, đối sánh và chia sẻ thực hành tốt giữa các đơn vị có CTĐT được đánh giá để cải tiến quy trình thực hiện và lan tỏa văn hóa chất lượng.

11. Có quy định việc phân công bộ phận đầu mối, phối hợp, hỗ trợ để xây dựng và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm tích hợp các thông tin về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để khai thác, sử dụng thuận lợi và hỗ trợ kịp thời hiệu quả cho quản lý, điều hành đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển các lĩnh vực. Tăng cường thu thập đa dạng thông tin phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động, đặc biệt là và phục vụ cộng đồng và tác động xã hội; có quy trình thống nhất trong rà soát, đánh giá hiệu quả của các quy trình làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến quản lý và khai thác hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong. Sớm cải tiến hệ thống các trang web và xây dựng cổng thông tin điện tử tích hợp toàn trường.

12. Có văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh trong đảm bảo chất lượng nói riêng và tuyên bố chính sách chất lượng nói chung để cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh một cách hệ thống, toàn diện hơn. Rà soát và sớm ban hành hướng dẫn đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT với các tiêu chí lựa chọn đối tác trong và ngoài nước phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng; quy trình, nội dung và tiêu chí đối sánh cần bao quát hết mọi lĩnh vực hoạt động để tiếp tục cải tiến.

13. Thường xuyên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực các ngành đào tạo, dự báo nhu cầu đào tạo dựa trên kế hoạch/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các vùng/miền và của ngành nhân mạnh đặc thù, thế mạnh chuyên biệt; Phân tích, đánh giá hiệu quả của các phương thức tuyển sinh để xây dựng tỷ trọng phù hợp; cải tiến công tác giám sát tuyển sinh và nhập học. Xây dựng các tiêu chí cụ thể và các chính sách hỗ trợ cho một số ngành khó tuyển ở bậc thạc

sỹ; có chính sách đột phá để thu hút thí sinh nhất là thí sinh giỏi đăng ký xét tuyển vào học.

14. Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về công tác xây dựng, rà soát điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của học phần thống nhất sử dụng cho các bậc học và cập nhật theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều chỉnh các thông tin về chuẩn đầu ra của các CTĐT trên website để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Ban hành quy định và hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn các cơ sở đào tạo để tham khảo chương trình dạy học; ban hành thống nhất quy trình thiết kế, phát triển, rà soát chương trình dạy học để sử dụng chung trong toàn trường.

15. Tiếp tục có các chính sách hiệu quả, phù hợp để nâng cao số lượng giảng viên có học hàm, học vị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên; đẩy mạnh hoạt động tập huấn về phương pháp dạy học tiên tiến để triển khai ở tất cả các CTĐT; tạo điều kiện để người học có thể phát triển các năng lực nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và các kỹ năng mềm cần thiết cho việc học tập suốt đời. Có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học của sinh viên, tạo điều kiện tốt hơn nữa để sinh viên tham gia các hoạt động sáng tạo khởi nghiệp, tham gia thực hiện các dự án/đề tài nghiên cứu hoặc ứng dụng triển khai.

16. Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về việc thiết kế các phương thức đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra một cách hệ thống, khoa học và yêu cầu các đơn vị thực hiện. Có quy định và triển khai thực hiện việc phân tích phổ điểm, phân tích tương quan giữa điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ. Ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của các loại hình/phương pháp kiểm tra đánh giá người học để đánh giá, điều chỉnh nhằm đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra .

17. Ban hành văn bản quy định/hướng dẫn và xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai hằng năm các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá, giám sát tiến trình, kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học để cải tiến.

18. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách và các quy định đảm bảo triển khai được mô hình quản lý nghiên cứu khoa học theo quan điểm kiến tạo đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp để chuyển giao thương mại hóa. Xây dựng và triển khai các KPIs để đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và hợp tác khoa học.

19. Xây dựng hệ thống quản lý để khuyến khích các tác giả cập nhật các sản phẩm khoa học để dễ dàng truy cập, tham khảo, sử dụng trong đào tạo, học tập và nghiên cứu khoa học. Có kế hoạch cụ thể và giải pháp, cơ chế để thúc đẩy đăng ký, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

20. Hoàn thiện hệ thống và mô hình phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu trong và ngoài nước. Xây dựng các chỉ số để giám sát, đánh giá và có chính sách thúc đẩy hợp tác và kết quả, hiệu quả các hợp tác đóng góp phát triển nghiên cứu khoa học, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo..

21. Quy định cụ thể và xây dựng kế hoạch hằng năm về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng ; thực hiện đo lường, đánh giá kết quả thực hiện đối với cán bộ, giảng viên và người học; có các chính sách thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ, phục vụ cộng đồng gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, chuyển giao. Thường xuyên tổng kết đánh giá hiệu quả hoạt động

để gia tăng đóng góp của Nhà trường đối với sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

22. Có giải pháp giảm tỉ lệ sinh viên thôi học, cảnh báo học vụ kịp thời đối với người học chậm tốt nghiệp và hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp trước hạn; tăng cường đối sánh theo từng chỉ số kết quả đào tạo giữa các năm và phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp để cải tiến chất lượng. Ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động xác lập, giám sát và đối sánh; hình thành năng lực số cho sinh viên để phù hợp với việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp theo chiến lược quốc gia số.

23. Xây dựng các chỉ số về đầu ra/sản phẩm, hiệu quả, tác động của nghiên cứu khoa học đối với đào tạo, phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng. Có các chỉ số giám sát, đánh giá hiệu quả của từng loại hình kết quả nghiên cứu khoa học để hoàn thiện chính sách, cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học gắn với đổi mới sáng tạo phù hợp, hiệu quả.

24. Xác lập cụ thể khối lượng, định lượng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội và quy định, hướng dẫn thực hiện. Xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá, xác lập tác động xã hội của hoạt động, đóng góp cho xã hội; thường xuyên thực hiện thu thập dữ liệu, đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác để tham khảo, phân tích làm cơ sở cải tiến chất lượng.

25. Có giải pháp đột phá để giám sát chỉ số tài chính, đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ mở rộng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao. Xác định các chỉ số kết quả và chỉ số thị trường trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng; lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn và xây dựng, ban hành các văn bản quy định hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của các hoạt động. Xây dựng lộ trình tham gia các bảng xếp hạng trong và ngoài nước nhằm thực hiện chiến lược phát triển Trường tầm nhìn đến năm 2030.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
